

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

PHỤ LỤC 5.2: SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU CỦA TỪNG NHÀ THẦU

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

Thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh năm 2024 - 2025 cho các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thán	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400132087	AFP	Hộp	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
2	PP2400132088	AFP Calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400132089	Assay Cup	Hộp	-	-	-	19	-	-	-	-	-	-	-	-	21	-	-	-	-	-	-	-	-
4	PP2400132090	Assay Tip	Hộp	-	-	-	38	-	-	-	-	-	-	-	-	39	-	-	-	-	-	-	-	-
5	PP2400132091	CA 125	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-
6	PP2400132092	CA 125 Calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
7	PP2400132093	CA 15-3	Hộp	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
8	PP2400132094	CA 15-3 Calib	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PP2400132095	CA 19-9	Hộp	-	-	-	14	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400132096	CA 19-9 calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400132097	CA 72-4	Hộp	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
12	PP2400132098	CA 72-4 calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
13	PP2400132099	CEA	Hộp	-	-	-	18	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
14	PP2400132100	CEA calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
15	PP2400132101	Clean Cell	Hộp	-	-	-	112	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-
16	PP2400132102	Cortisol	Hộp	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	PP2400132103	Cortisol calib	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	PP2400132104	Cyfra 21-1	Hộp	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
19	PP2400132105	Cyfra 21-1 Calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
20	PP2400132106	Digoxin	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	PP2400132107	Digoxin calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	PP2400132108	Ferritin calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
23	PP2400132109	Ferritin	Hộp	-	-	-	21	-	-	-	-	-	-	-	-	42	-	-	-	-	-	-	-	-
24	PP2400132110	FT4	Hộp	-	-	-	36	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	-	-	-	-	-	-	-
25	PP2400132111	FT4 Calib	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
26	PP2400132112	HCG beta	Hộp	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-	-	-
27	PP2400132113	HCG beta Calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
28	PP2400132114	Insulin	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	PP2400132115	Insulin Calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	PP2400132116	Dung dịch rửa điện cực ISE	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
31	PP2400132117	NSE Calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	PP2400132118	NSE	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33	PP2400132119	PreciControl CARDIAC	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
34	PP2400132120	PreciControl Tumor Marker	Hộp	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
35	PP2400132121	PreciControl Universal	Hộp	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
36	PP2400132122	Pro - Calcitonin	Hộp	-	-	-	53	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
37	PP2400132123	Pro Cell	Hộp	-	-	-	114	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-
38	PP2400132124	proBNP calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	PP2400132125	proBNP	Hộp	-	-	-	17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	PP2400132126	PSA calib	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
41	PP2400132127	PSA	Hộp	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
42	PP2400132128	Sample cup	Hộp	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
43	PP2400132129	Sys Wash	Hộp	-	-	-	26	-	-	-	-	-	-	-	-	26	-	-	-	-	-	-	-	-
44	PP2400132130	T3	Hộp	-	-	-	21	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	-	-	-	-	-	-	-
45	PP2400132131	T3 Calib	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
46	PP2400132132	Troponin T	Hộp	-	-	-	94	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tơ	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
47	PP2400132133	Troponin T Calib	Hộp	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
48	PP2400132134	TSH	Hộp	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	-	-	-	-	-	-	-
49	PP2400132135	TSH Calib	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
50	PP2400132136	Universal Diluent	Hộp	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	35	-	-	-	-	-	-	-	-
51	PP2400132137	C-Peptide	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
52	PP2400132138	C-Peptide Calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	PP2400132139	Troponin control	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
54	PP2400132140	Anti-HBs	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-
55	PP2400132141	Anti-HBs control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
56	PP2400132142	Anti-HCV thể hệ 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-	-	-	-	-	-	-	-
57	PP2400132143	Anti-HCV control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
58	PP2400132144	CMV IgM	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
59	PP2400132145	CMV IgM control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
60	PP2400132146	Estradiol thể hệ 3 calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
61	PP2400132147	Estradiol thể hệ 3	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
62	PP2400132148	FSH calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
63	PP2400132149	FSH	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
64	PP2400132150	FT3 thể hệ 3	Hộp	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
65	PP2400132151	FT3 thể hệ 3 calib	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
66	PP2400132152	HBeAg	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-
67	PP2400132153	HBeAg control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
68	PP2400132154	HBsAg thể hệ 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	120	-	-	-	-	-	-	-	-
69	PP2400132155	HBsAg thể hệ 2 control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
70	PP2400132156	HIV combi PT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	120	-	-	-	-	-	-	-	-
71	PP2400132157	HIV control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
72	PP2400132158	LH	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
73	PP2400132159	LH thể hệ 2 calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
74	PP2400132160	Progesterone thể hệ 3	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
75	PP2400132161	Prolactin thể hệ 2 calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
76	PP2400132162	Prolactin thể hệ 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
77	PP2400132163	Rubella IgM	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
78	PP2400132164	Syphilis	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	110	-	-	-	-	-	-	-	-
79	PP2400132165	Syphilis control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
80	PP2400132166	Testosterone thể hệ 2 Calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
81	PP2400132167	Testosterone thể hệ 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
82	PP2400132168	Toxo IgM	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
83	PP2400132169	Toxo IgM control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
84	PP2400132170	AMH	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-
85	PP2400132171	AMH Calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
86	PP2400132172	AMH Control	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
87	PP2400132173	sFLT1	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
88	PP2400132174	sFLT1 Calib	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

PHỤ LỤC 10.2: SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC MẬT HÀNG TRÚNG THẦU CỦA TỪNG NHÀ THẦU

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

Thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh năm 2024 - 2025 cho các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP VIỆT

STT	Mã phân (lô)	Tên hàng hóa	ĐVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thán	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400131958	SHEATH RINSE hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	34	-	-	-	-	-	-	-	-
2	PP2400131959	EZ WASH hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400131960	CN FREE TIMEPAC WITH DEFOAMER hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-
4	PP2400131961	DIFF TIMEPAC WITH PEROX SHEATH hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-
5	PP2400131962	PEROX SHEATH hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
6	PP2400131963	TESTPOINT HEMA ABNORMAL LOW hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
7	PP2400131964	TESTPOINT HEMA NORMAL hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
8	PP2400131965	TESTPOINT HEMA ABNORMAL HIGH hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PP2400132217	Probe Cleaning	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400132218	Probe Wash Module	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400132219	Sample Cups	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
12	PP2400132220	Substrate Module	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
13	PP2400132221	FBHCG XTND	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
14	PP2400132222	PAPP - A	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
15	PP2400132223	Free T3 KIT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
16	PP2400132224	Free T4 KIT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	-	-	-	-	-	-	-	-
17	PP2400132225	TSH thể hệ 3	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tơ	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
18	PP2400132226	IMMULITE Water Test hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
19	PP2400132227	Cuvette	Hộp	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
20	PP2400132228	Sample Tips	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
21	PP2400132229	Wash 1 Reagent	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-
22	PP2400132230	Acid/Base reagent	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	-	-	-	-	-	-
23	PP2400132231	Cleaning Solution	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
24	PP2400132232	AHCV 200T KIT (inc.Cal)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	-	-	-	-	-	-
25	PP2400132233	HBsAgII 200T (inc.Cal)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	-	-	-	-	-	-
26	PP2400132234	HIV Combo(XUS) 100T (inc.Cal)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-
27	PP2400132235	Syphilis 200T (inc.Cal)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	-	-	-	-	-	-
28	PP2400132236	AHCV QC KIT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
29	PP2400132237	CHIV QC KIT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
30	PP2400132238	Immunoassay Premium Tri- level hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
31	PP2400132239	HBSAG QC KIT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
32	PP2400132240	HCG	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
33	PP2400132241	HCG Diluent	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
34	PP2400132242	CAL B 2PK	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
35	PP2400132243	CA 125	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
36	PP2400132244	CAL CA 125	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
37	PP2400132245	SYPH QC KIT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
38	PP2400132246	Albumin	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
39	PP2400132247	ALT	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-
40	PP2400132248	AST	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-
41	PP2400132249	BILIRUBIN (DIRECT)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	-	-	-	-	-	-	-	-
42	PP2400132250	BILIRUBIN (DIRECT)	Hộp	-	-	-	11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
43	PP2400132251	BILIRUBIN (TOTAL)	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
44	PP2400132252	CALCIUM (Mono Reagent)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-
45	PP2400132255	UREA	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-
46	PP2400132256	CREATININE	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-
47	PP2400132257	GLUCOSE	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-
48	PP2400132258	TOTAL PROTEIN	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
49	PP2400132259	CHOLESTER OL	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
50	PP2400132260	HDL- CHOLESTER OL	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
51	PP2400132261	LDL- CHOLESTER OL	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
52	PP2400132262	TRIGLYCERI DES	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
53	PP2400132263	WASH SOLUTION NO. 1 hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-
54	PP2400132265	ASSAYED CHEMISTRY CONTROL PREMIUM PLUS LEVEL 2 hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
55	PP2400132266	ASSAYED CHEMISTRY CONTROL PREMIUM PLUS LEVEL 3 hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
56	PP2400132267	CK-MB CALIBRATO R	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
57	PP2400132268	CK-MB CONTROL	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
58	PP2400132269	CLINICAL CHEMISTRY CALIBRATIO N SERUM LEVEL 3	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
59	PP2400132270	HbA1c CONTROL LEVEL 1 AND LEVEL 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
60	PP2400132271	HDL/LDL- CHOLESTER OL CALIB.	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
61	PP2400132272	LIPID CONTROL LEVEL 1	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
62	PP2400132273	LIPID CONTROL LEVEL 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
63	PP2400132274	LIPID CONTROL LEVEL 3	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
64	PP2400132275	ZinC	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ - KHOA HỌC KỸ THUẬT M.E.D.I.C

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phổ	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
24	PP2400131862	Test chẩn đoán nhẹ Covid-19	Test	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400	-	-	-	-	-	-	-
25	PP2400132452	ALT	Hộp	-	-	18	-	10	7	-	-	7	7	7	10	-	-	1	6	14	7	-	-	-
26	PP2400132455	Albumin	Hộp	-	-	15	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	2	-
27	PP2400132456	Amylase	Hộp	-	4	-	-	-	-	2	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	3	-
28	PP2400132458	AST	Hộp	4	-	18	-	10	7	-	-	7	7	7	10	-	-	1	6	14	7	-	-	-
29	PP2400132461	Auto- creatinine liquicolor hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	PP2400132462	Bilirubin T+D	Hộp	-	4	10	-	-	-	2	-	-	4	-	-	-	-	-	2	-	-	-	1	-
31	PP2400132464	Calcium	Hộp	-	2	-	-	17	-	-	-	7	8	-	5	-	-	-	6	24	6	-	-	1
32	PP2400132468	Creatinin	Hộp	6	-	20	-	8	10	-	2	13	14	10	-	-	-	1	4	24	8	-	-	20
33	PP2400132474	Cholesterol	Hộp	-	-	9	-	-	-	-	3	12	5	-	-	-	-	-	-	-	16	-	-	-
34	PP2400132475	Cholesterol	Hộp	2	-	-	-	30	3	-	-	6	8	17	8	-	-	-	8	12	8	-	15	10
35	PP2400132478	Gamma GT	Hộp	-	-	18	-	8	10	2	-	-	-	-	5	-	-	-	2	-	-	-	6	-
36	PP2400132480	Glucose	Hộp	4	12	12	-	45	3	3	5	15	30	26	40	-	-	1	18	14	12	-	22	9
37	PP2400132486	Total Protein	Hộp	-	4	15	-	2	-	1	-	-	2	1	2	-	-	-	3	-	-	-	1	-
38	PP2400132488	Triglyceride	Hộp	-	10	7	-	15	8	-	3	-	10	17	8	-	-	1	10	-	-	-	15	7
39	PP2400132491	Urea	Hộp	4	-	20	-	12	10	-	-	13	22	-	15	-	-	1	5	24	8	-	-	33
40	PP2400132496	Uric acid	Hộp	2	-	9	-	20	5	2	-	10	12	7	6	-	-	1	8	-	6	-	5	4
41	PP2400132499	Special Wash Solution hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
42	PP2400132501	Humatrol N hoặc tương đương	Hộp	1	-	-	-	2	-	-	-	3	2	-	-	-	-	-	2	-	3	-	8	6
43	PP2400132502	Humatrol P hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	-	3	-	-	-	2	-	-	-	8	6
44	PP2400132503	Autocal hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
45	PP2400132523	Que thử nước tiểu Combi Screen hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-
46	PP2400132524	Que thử nước tiểu Combi Screen hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	160	-	-	6	-	-	-	-	-
47	PP2400132527	Test thử nước tiểu Mission 10U hoặc tương đương	Test	-	3.000	-	-	-	-	-	200	-	-	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
48	PP2400132569	Chai cây máu 2 pha NAM KHOA hoặc tương đương	Bịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-
49	PP2400132577	Đĩa kháng sinh đồ các loại	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-
50	PP2400132578	Đĩa kháng sinh đồ các loại	Hộp	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
51	PP2400132581	HBV - DNA PCR Định lượng	Test	-	-	-	2.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
52	PP2400132593	PCR lao	Test	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	PP2400132594	Que giấy E- test Vancomycin	Que	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
54	PP2400132595	Que giấy E- test Colistin	Que	-	-	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
55	PP2400132603	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 25923 hoặc tương đương	Que	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
56	PP2400132604	Escherichia coli ATCC 25922 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
57	PP2400132605	Escherichia coli ATCC 35218 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
58	PP2400132606	Pseudomonas aeruginosa ATCC 27853 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
59	PP2400132607	Staphylococcus aureus ATCC 25923 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
60	PP2400132608	Enterococcus faecalis ATCC 29212 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
61	PP2400132609	Streptococcus pneumoniae ATCC 49619 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
62	PP2400132610	Klebsiella pneumoniae ATCC 700603 hoặc tương đương	Bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
63	PP2400132630	Trichloroisocya nuric (TCCA 90%)	Kg	-	-	-	-	-	-	150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
64	PP2400132659	Dầu soi kính hiển vi	Lọ	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	1	-	-	-	5	-
65	PP2400132662	Parafin rắn	Kg	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
66	PP2400132665	Hematoxylin	Chai	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
67	PP2400132667	EA50	Lít	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
68	PP2400132668	Formaldehyde	Chai	-	-	-	120	-	-	-	-	-	-	-	-	41	-	-	-	-	-	-	-	-
69	PP2400132669	Dung dịch Formol đậm trung tính	Thùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-
70	PP2400132670	Keo dán lam	Chai	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	ĐVT	TTYT Ba Tư	TTYT Binh Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400132000	DG Gel Confirm P hoặc tương đương	Card	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.000	-	-	-	-	-	-	-	-
2	PP2400132001	DG Gel Sol hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400132002	Serascan Diana 3P hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-
4	PP2400132331	Acid Uric	Hộp	-	4	5	4	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	-
5	PP2400132332	Albumin	Hộp	-	-	6	8	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	PP2400132333	Albumin (Microalbumin uria standard)	Lọ	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	PP2400132334	Albumin (Microalbumin uria)	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	PP2400132336	Ethanol	Hộp	-	-	-	5	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PP2400132337	ALT	Hộp	-	12	6	20	-	-	2	2	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400132338	Amylase	Hộp	-	3	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400132339	AST	Hộp	-	12	6	18	-	-	2	2	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	PP2400132340	Bilirubin Direct	Hộp	-	3	2	5	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	PP2400132341	Bilirubin Total	Hộp	-	3	2	7	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	PP2400132342	Calcium	Hộp	-	2	-	2	-	-	2	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	PP2400132343	Cholinesterase	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	PP2400132344	Choleserol	Hộp	-	12	4	4	-	-	4	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	PP2400132347	CK - MB control Serum level 1	Lọ	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	PP2400132348	CK - MB control Serum level 2	Lọ	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	PP2400132349	CK -MB calibrator	Lọ	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	PP2400132350	CK-NAC	Hộp	-	-	-	5	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	PP2400132351	CK-MB	Hộp	-	-	-	10	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	PP2400132353	Control Serum level 1	Lọ	-	-	-	36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	PP2400132355	Control Serum level 2	Lọ	-	-	-	36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	PP2400132356	Creatinin	Hộp	-	10	-	22	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-
25	PP2400132358	CRP	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	PP2400132359	C-REACTIVE PROTEIN (CRP																						

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thủy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
30	PP2400132365	Glucose	Hộp	-	12	6	20	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	PP2400132366	HDL/LDL- cholesterol control serum	Hộp	-	5	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	PP2400132367	HDL- Choleserol	Hộp	-	12	-	1	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33	PP2400132368	Iron	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
34	PP2400132369	ISE Low/High Urine Standard	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
35	PP2400132370	CRP control serum level 2	Lọ	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
36	PP2400132371	CRP control serum level 3	Lọ	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
37	PP2400132372	Lactate	Hộp	-	-	-	42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	PP2400132373	LDH, IFCC/GSC	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	PP2400132375	Lipase	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	PP2400132376	Protein CSF	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
41	PP2400132377	Protein Total	Hộp	-	2	6	10	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
42	PP2400132378	Serum protein multicalibrator 1	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
43	PP2400132379	System calibrator	Lọ	-	6	6	33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	PP2400132380	Transferrin	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
45	PP2400132381	Triglyceride	Hộp	-	12	4	12	-	-	5	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
46	PP2400132383	UREA/BUN	Hộp	-	12	6	15	-	-	3	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
47	PP2400132384	Wash solution	Bình	-	7	6	24	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-
48	PP2400132390	Bicarbonate Calibrator	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
49	PP2400132391	Bicarbonate	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
50	PP2400132392	Bicarbonate	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
51	PP2400132393	AMMONIA, ENZYMATIC, UV	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
52	PP2400132394	AMMONIA STANDARD	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	PP2400132398	Hóa chất định lượng Calcium trong máu.	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-
54	PP2400132399	Calibrator	Hộp	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	8	-	2	-	-	-	-	1
55	PP2400132400	Cholesterol	Hộp	-	15	-	-	-	-	4	3	-	5	-	-	-	10	-	5	-	-	-	-	-
56	PP2400132401	Creatinine	Hộp	-	8	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	15
57	PP2400132402	Hóa chất định lượng Glucose trong máu	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-
58	PP2400132403		Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-
59	PP2400132405	Concentrated system liquid hoặc tương đương	Lít	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-
60	PP2400132406	Concentrated Washing solution hoặc tương đương	Lọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	-	8	-	-	-	-	-	-	-

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Binh Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thủy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tĩnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
61	PP2400132407	Reactions Rotor Biosystem A25 hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	10	-	-	-	-	-	1	-
62	PP2400132471	CK	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-
63	PP2400132492	Ure UV	Hộp	-	12	-	-	-	-	-	2	-	5	-	-	-	10	-	2	-	-	-	12	-
64	PP2400132505	MAS Liquimmune hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
65	PP2400132506	MAS Liquimmune hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
66	PP2400132507	MAS Liquimmune hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
67	PP2400132508	Prealbumin	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
68	PP2400132509	Prealbumin	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
69	PP2400132510	Phosphorus	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
70	PP2400132511	Phosphorus	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
71	PP2400132512	Magnesium	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
72	PP2400132513	Magnesium	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
73	PP2400132514	Zinc	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
74	PP2400132528	Que thử nước tiểu Labstrip U11 hoặc tương đương	Test	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	200	-	-	-	-	-
75	PP2400132678	Bóng đèn Halogen	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-
76	PP2400132679	Photometer Lamp	Cái	-	3	-	5	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-
77	PP2400132680	Roller Tubing	Túi	-	-	-	7	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
78	PP2400132681	MU993400 S PROBE	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
79	PP2400132682	MU995800 R PROBE	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
80	PP2400132683	S SYRINGE	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
81	PP2400132684	R SYRINGE	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
82	PP2400132685	DIAPHRAGM	Túi	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
83	PP2400132686	SYRINGE CASE	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
84	PP2400132687	Bóng đèn	Cái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-
85.1	PP2400132690	ISE Buffer	Hộp	Ai-len	10		10																	
85.2	PP2400132690	ISE Cleaning Solution	Bình	Ai-len	2		2																	
85.3	PP2400132690	ISE High Serum Standard	Hộp	Ai-len	1		1																	
85.4	PP2400132690	ISE Internal Reference	Hộp	Ai-len	1		1																	
85.5	PP2400132690	ISE Low Serum Standard	Hộp	Ai-len	1		1																	
85.6	PP2400132690	ISE Mid Standard	Hộp	Ai-len	18		18																	
85.7	PP2400132690	ISE Reference	Hộp	Ai-len	3		3																	
	Tổng cộng: 91 mặt hàng (85 phần lô)																							

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

PHỤ LỤC 22.2: SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC MẬT HÀNG TRÚNG THẦU CỦA TỪNG NHÀ THẦU

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

Thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh năm 2024 - 2025 cho các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TNHH XÉT NGHIỆM VÀ CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH PHÚC AN

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	ĐVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400131808	Dengue NS1 Ag	Test	-	2.500	-	5.000	1.000	-	852	-	-	2.000	1.200	-	12.000	-	-	300	-	100	-	500	-
2	PP2400131811	Test xét nghiệm nhanh kháng thể kháng Dengue	Test	-	-	-	-	200	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400131816	HBsAg	Test	-	3.000	-	3.940	2.000	1.000	1.320	-	150	500	300	500	-	600	-	200	200	300	-	-	-
4	PP2400131843	Test thử sốt rét kháng nguyên (PF/PV)	Test	-	-	-	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50	-	-
5	PP2400131921	Dung dịch pha loãng	Lít	300	4.500	400	-	-	72	1.260	220	-	1.260	720	144	-	450	302	2.400	400	540	100	500	270
6	PP2400131922	Dung dịch phá vỡ hồng cầu	Can	9	110	10	-	-	1	64	6	-	32	28	4	-	14	12	60	20	20	3	20	8
7	PP2400131923	Dung dịch rửa máy	Can	3	50	5	-	-	1	12	7	-	12	5	6	-	14	6	20	20	8	3	2	5
8	PP2400131926	Dung dịch pha loãng	Thùng	10	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	-	-	-	-	-
9	PP2400131927	Dung dịch ly giải	Can	6	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	24	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400131928	Chất rửa máy thường quy	Can	2	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	14	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400131929	Chất rửa máy đậm đặc	Can	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	14	-	-	-	-	-	-	-
12	PP2400131930	Dung dịch pha loãng	Lít	-	-	-	-	-	-	1.656	-	500	-	-	-	-	-	-	-	-	540	-	-	-
13	PP2400131931	Hóa chất Ly Giải	Can	-	6	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-
14	PP2400131932	Hóa chất Ly Giải	Can	-	6	-	-	-	-	6	-	25	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	-	-
15	PP2400131933	Hóa chất tẩy rửa	Can	-	18	-	-	-	-	5	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-
16	PP2400131934	Hóa chất tẩy rửa	Bộ	-	4	-	-	-	-	6	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	-
17	PP2400131935	Máu chuẩn 5 thành phần mức trung bình	Lọ	-	12	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-
18	PP2400131936	Hóa chất pha loãng	Thùng	-	-	-	-	-	-	20	-	-	14	-	-	-	15	8	-	-	-	-	-	-
19	PP2400131937	Hóa chất ly giải	Chai	-	-	-	-	-	-	20	-	-	7	-	-	-	15	8	-	-	-	-	-	-
20	PP2400131938	Hóa chất rửa kim	Chai	-	-	-	-	-	-	4	-	-	5	-	-	-	15	8	-	-	-	-	-	-
21	PP2400131999	Teclot PT hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	-	-	-	2	-	-	6	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-
22	PP2400132395	ALT	Hộp	-	12	-	-	-	1	16	2	-	9	-	-	-	-	-	6	-	-	-	5	-
23	PP2400132396	AST	Hộp	-	12	-	-	-	1	16	2	-	9	-	-	-	-	-	6	-	-	-	5	-
24	PP2400132404	Uric acid	Hộp	-	8	-	-	-	-	2	3	-	6	-	-	-	10	-	4	-	-	-	-	-
25	PP2400132460	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GOT/ AST	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	ĐVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400131845	TPPA	Test	-	-	-	15.420	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	PP2400132408	Cuvet	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	PP2400132409	Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ T4 tự do	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	PP2400132410	Thuốc thử xét nghiệm miễn dịch định lượng nồng độ TSH	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	150	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	PP2400132411	Chất điều khiển đa phân tích các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	PP2400132412	Chất điều khiển đa phân tích các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	PP2400132413	Dung dịch rửa đệm WS dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	PP2400132414	Dung dịch đệm chất nền dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	-	-	
9	PP2400132415	Dung dịch rửa đệm dùng cho máy miễn dịch	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	PP2400132416	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm tự kháng thể tuyến giáp mức 1	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	
11	PP2400132417	Chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm tự kháng thể tuyến giáp mức 2	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

PHỤ LỤC 31.2: SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC MẬT HÀNG TRÚNG THẦU CỦA TỪNG NHÀ THẦU

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

Thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh năm 2024 - 2025 cho các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - KỸ THUẬT SUNMED

STT	Mã phân (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thẩn	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400132280	Albumin	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
2	PP2400132281	Amylase	Hộp	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400132282	ALT	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	3
4	PP2400132283	AST	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	10	-	-	-	-	-	-	-	3
5	PP2400132286	CRP (C-Reactive Protein)	Hộp	-	-	-	17	-	-	-	-	-	-	-	-	55	-	-	-	-	-	-	-	-
6	PP2400132287	Glucose	Hộp	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	3
7	PP2400132289	T-BIL	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
8	PP2400132290	D-BIL	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PP2400132291	CK	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400132292	CKMB	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400132293	GGT	Hộp	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
12	PP2400132294	HbA1c	Hộp	-	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
13	PP2400132295	HDL Cholesterol	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
14	PP2400132297	Lactate dehydrogenase	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
15	PP2400132298	LDL Cholesterol	Hộp	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
16	PP2400132299	Total Cholesterol	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3
17	PP2400132300	Triglycerides	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3
18	PP2400132301	Standard HbA1C	Bộ	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
19	PP2400132302	Standard CRP	Bộ	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
20	PP2400132303	Ctrl. - Lyo L-1	Lọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-
21	PP2400132304	Ctrl. - Lyo L-2	Lọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-
22	PP2400132305	Control CRP	Bộ	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	7	-	-	-	-	-	-	-	-
23	PP2400132306	Control HbA1C	Bộ	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	2	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
24	PP2400132307	HbA1c Diluent	Can	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
25	PP2400132308	Lipids Calibrator	Lọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
26	PP2400132309	Lipids Control	Lọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
27	PP2400132310	Bil Calibrator	Lọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

PHỤ LỤC 33.2: SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU CỦA TỪNG NHÀ THẦU

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

Thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh năm 2024 - 2025 cho các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TATA

STT	Mã phần (lô)	Tên hàng hóa	ĐVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thần	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400131942	Diluent/Sheath	Thùng	-	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	PP2400131943	WBC Lyse	Thùng	-	-	-	67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400131944	CN-Free HGB Noc Lyse	Thùng	-	-	-	13	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	PP2400131945	ENZYMATIC CLEANER	Hộp	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	PP2400131946	Cell- Dyn 29 Plus Control hoặc tương đương	Hộp	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	PP2400131985	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thời gian Prothrombin	Hộp	-	-	-	62	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
7	PP2400131986	Thuốc thử xác định định lượng Thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hoá	Hộp	-	-	-	55	-	-	-	-	-	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-
8	PP2400131987	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hộp	-	-	-	20	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	-	-	-	-	-	-	-
9	PP2400131988	Chất hiệu chuẩn FIB	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400131989	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 1	Hộp	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400131990	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 2	Hộp	-	-	-	12	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
12	PP2400131991	Công đo	Thùng	-	-	-	19	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
13	PP2400131992	Thuốc thử xác định định lượng D-Dimer	Kit	-	-	-	28	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
14	PP2400131993	Chất hiệu chuẩn D-Dimer	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
15	PP2400131994	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm D-Dimer mức 1	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
16	PP2400131995	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm D-Dimer mức 2	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
17	PP2400131996	Dung dịch rửa Clean B	Hộp	-	-	-	120	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

PHỤ LỤC 40.2: SỐ LƯỢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT DANH MỤC MẬT HÀNG TRÚNG THẦU CỦA TỪNG NHÀ THẦU

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

Thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế tiêu hao, khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo để phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh năm 2024 - 2025 cho các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRẦN DANH

STT	Mã phân (lô)	Tên hàng hóa	DVT	TTYT Ba Tư	TTYT Bình Sơn	BV Lao và Bệnh Phổi	BV đa khoa tỉnh	TTYT Thành Phố	TT KSBT	BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm	TTYT QDY Lý Sơn	TTYT Minh Long	TTYT Mộ Đức	TTYT Nghĩa Hành	BV Nội Tiết	BV Sản Nhi	TTYT Sơn Hà	TTYT Sơn Tây	TTYT Sơn Tịnh	BV Tâm Thán	TTYT Trà Bồng	TT Mắt	TTYT Tư Nghĩa	BV YHCT
1	PP2400131863	Blood Gas Control Level 1 (BG Control 1)	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
2	PP2400131864	Blood Gas Control Level 2 (BG Control 2)	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
3	PP2400131865	Blood Gas Control Level 3 (BG Control 3)	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-
4	PP2400131866	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	PP2400131868	Heamatology Control 1,2,3	Hộp	-	-	-	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	PP2400131869	Hóa chất chương trình ngoại kiểm đông máu	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
7	PP2400131870	Hóa chất chương trình ngoại kiểm HIV/Viêm Gan	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
8	PP2400131871	Hóa chất chương trình ngoại kiểm huyết học	Hộp	-	5	-	5	-	-	7	-	-	5	-	-	5	-	-	4	4	-	-	2	-
9	PP2400131872	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Khí máu	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-
10	PP2400131873	Hóa chất chương trình ngoại kiểm Niệu	Hộp	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	-
11	PP2400131874	Hóa chất chương trình ngoại kiểm sinh hóa	Hộp	-	3	-	2	-	-	4	-	-	3	-	4	3	-	-	2	2	-	-	2	2
12	PP2400131876	Chương trình ngoại kiểm Hoá sinh nước tiểu	Hộp	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	PP2400131886	Maternal Screening Control level 2 (Maternal Control 2)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
14	PP2400131887	Maternal Screening Control level 3 (Maternal Control 3)	Hộp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

Tên nhà thầu Công ty TNHH Vạn Niên

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]

Gói thầu số 02: Khí y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm và các phụ kiện kèm theo

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày /01/2025 của Giám đốc BVĐK tỉnh Quảng Ngãi)

[illegible]